

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày 24 - 6 - 2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Chính**

Các Hội thẩm nhân: Ông **Bành Trọng Bình**

Bà Bùi Việt Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST - DS, ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 06 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T** – SN: 1986

Địa chỉ: Thôn 02, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trương Quang Đ** – SN: 1974

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

Tạm trú tại: Thôn 09, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Người làm chứng:

Bà **Trần Thị H** – SN: 1975

Địa chỉ: Thôn 06, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Bà **Phạm Thị Đ1** – SN: 1963

Địa chỉ: Thôn 04, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị Tuyết S – SN: 1960

Nơi ĐKKHTT: Xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Tạm trú tại: Thôn 01, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Vào ngày 06/06/2023 tôi và ông Trương Quang Đ có lập hợp đồng mua bán cây bắp và trái. Hai bên thỏa thuận ông Đ bán cho tôi 06 ha cây bắp và trái non với giá là 12.500.000 đồng/ha. Tổng số tiền là 75.000.000 đồng, sau này đo nếu thiếu diện tích thì ông Đ hoàn trả lại tiền theo diện tích thỏa thuận. Tôi có đặt cọc trước số tiền 10.000.000 đồng sau đó tôi có trả thêm cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng tôi đã trả cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng. Đến khi thu hoạch thì ông Đ đã bớt cho tôi 2.000.000 đồng. Ông Đ có trách nhiệm trông nom và bảo quản bắp non cho đến khi được thu hoạch. Số tiền còn lại là 23.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đến khi thu hoạch sẽ trả hết. Đến ngày 12/10/2023 khi tôi đến trả cho ông Đ số tiền 23.000.000 đồng cho đủ số tiền tôi mua bắp là 73.000.000 đồng. Thì ông Đ đã tự viết vào hợp đồng là “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng”. Sau khi viết xong ông Đ lại không trả lại hợp đồng cho tôi mà ông Đ nói ông còn một ha muốn bán tiếp cho tôi nhưng tôi nói không còn tiền nữa thì ông Đ nói nếu không mua thì không bán diện tích bắp non trước cho tôi nữa rồi ông Đ lấy bút xóa đi dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng” mà ông Đ đã viết trước đó. Thấy vậy tôi liền giật lại hợp đồng, sau đó thì ông Đ đã tuyên bố và không cho tôi thu hoạch bắp nữa do ông Đ vi phạm hợp đồng vì thế nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Quang Đ phải có trách nhiệm trả cho số tiền đã nhận bán bắp non cho tôi là 73.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Trương Quang Đ trình bày: Vào ngày 06/6/2023 giữa tôi và ông T có lập hợp đồng mua bán bắp non. Ông T đồng ý mua của tôi diện tích 06 ha bắp non với giá 12.500.000 đồng/ha. Tổng cộng là 75.000.000 đồng. Khi làm hợp đồng thì ông T đã đặt cọc trước cho tôi 10.000.000 đồng. Sau đó ông T có hẹn cho ông T thời gian là một tháng trở lại để ông T thu hoạch bắp. Nhưng khoảng 10 ngày sau có Công ty mua bắp đến nghiệm thu nói bắp đã già nên ông T bỏ số tiền đã đặt cọc 10.000.000 đồng trước đó. Đến tuần sau ông T lại điện thoại cho tôi nói nếu tôi để cho ông T thu hoạch bắp già thì ông T sẽ đưa thêm cho tôi số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó ông T đã chuyển thêm cho tôi số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng tôi đã nhận của ông T số tiền 50.000.000 đồng. Khi đó tôi có nói thêm còn lại 25.000.000 đồng thì khi nào bắt đầu thu hoạch thì ông T phải trả đủ số tiền còn lại là 25.000.000 đồng trên cho tôi rồi mới được thu hoạch. Trong thời gian tôi về quê ở Quảng Ngãi thì ông T đã tự ý bẻ bắp. Sau khi tôi nghe được tin thì tôi đã vào gặp ông T và nói tại sao ông T chưa đưa đủ tiền cho tôi mà ông T lại bẻ bắp của tôi. Khi đó ông T nói bẻ xong rồi đưa tiền cho tôi cũng được nhưng tôi không đồng ý nên tôi buộc ông T phải dừng việc bẻ bắp lại để trả tiền cho tôi trước rồi mới được

thu hoạch bắp nên ông T đã dừng lại và chưa thu hoạch được ít bắp nào. Sau đó ông T đã đến nhà bà Trần Thị H là người làm công cho tôi, trú tại thôn 06, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khi đó ông T nói tôi viết nhận đủ số tiền sau khi đã bớt cho ông T 2.000.000 đồng còn là 73.000.000 đồng rồi ông T trả tiền cho tôi số tiền còn lại là 23.000.000 đồng nhưng khi tôi viết xong thì ông T có lấy ví ra mà không đưa tiền cho bà H là người nhận tiền hộ cho tôi. Bà H nói với tôi là ông T lừa tôi rồi và bảo tôi xóa chữ viết nhận đủ tiền đi nên tôi đã xóa dòng chữ viết “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng là 73.000.000 đồng” rồi tôi đưa lại tờ giấy hợp đồng cho ông T và nói không cho ông T thu hoạch bắp nữa thì sau mấy ngày ông T đã đi báo công an. Nay ông T yêu cầu tôi phải trả cho ông T toàn bộ số tiền bán bắp non là 73.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì khi mua bắp ông T mới đưa cho tôi được số tiền 50.000.000 đồng. Ông T không trả đủ cho tôi toàn bộ số tiền mua bắp là 73.000.000 đồng là vi phạm hợp đồng khi lên Công an giải quyết thì Công an đã giao cho tôi thu hoạch, đi bán thì ông T đã đồng ý. Tôi đã thu hoạch bắp và bán được số tiền 84.441.000 đồng. Trừ chi phí tôi đã trả cho nhân công ông T đã thuê là 16.535.000 đồng; Tiền xe chở bắp tăng bo ra rẫy là 250.000 đồng/tấn x 21 tấn = 5.250.000 đồng; Tiền cơm cho công nhân 03 ngày là 1.500.000 đồng; Tiền nước uống 03 ngày là 500.000 đồng; Tiền suất bắp 200.000 đồng/tấn x 21 tấn = 4.200.000 đồng. Trừ tổng các chi phí tôi đã bỏ ra là: 27.985.000 đồng. Số tiền còn lại là 56.456.000 đồng. Do ông T là người vi phạm hợp đồng trước nên tôi không đồng ý trả khoản tiền nào cho ông T.

Những người làm chứng bà Trần Thị H trình bày bà không nhận số tiền 23.000.000 đồng từ ông T, ông T không đưa tiền cho ông Đ nên bà nói ông Đ xóa dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng”. Bà Phạm Thị Đ1 mẹ đẻ của ông T trình bày bà có nghe ông T nói về số tiền mua bắp của ông Đ là 73.000.000 đồng và chỉ biết ông T mới trả cho ông Đ 50.000.000 đồng nên khi gặp ông Đ bán bắp ở cơ sở Ngọc S 3 thì bà nói ông Đ trả lại 50.000.000 đồng nhận của T để bà trả tiền cho ông T1 vì bà mượn tiền của ông T1 cho ông T mượn. Bà Phạm Thị Tuyết S là chủ cơ sở Ngọc S 3 trình bày ngày ông Đ chở bắp lên bán thì bà thấy bà Đ1 là mẹ ông T đến gặp ông Đ nói xin lại 50.000.000 đồng nhưng ông Đ nói đã làm đơn gửi công an thì để công an giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Trương Quang Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 26, 35, 68, 191, 195 và 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn T khai đã trả cho bị đơn ông Trương Quang Đ tổng số tiền mua bắp non là 73.000.000 đồng. Giữa ông T và ông Đ mới thừa nhận ông T đưa cho ông Đ và ông Đ nhận tổng hai lần tiền là 50.000.000 đồng. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không đủ để xác định có việc ông T đã trả cho ông Đ đủ số tiền còn lại là 23.000.000 đồng, do đó căn cứ Điều 428, 430, 433, 440, 444 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với số tiền 50.000.000 đồng. Bác yêu cầu đối với số tiền 23.000.000 đồng. Về án phí ông Phạm Văn T và ông Trương Quang Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trương Quang Đ có địa chỉ tại thôn 09, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải trả khoản tiền mua cây bắp và trái, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét bị đơn, những người làm chứng vắng mặt đã có bản khai trong hồ sơ vụ án nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Vào ngày 06/06/2023 ông T và ông Đ có lập hợp đồng mua bán cây bắp và trái (giấy viết tay). Nội dung hai bên thỏa thuận ông Đ bán cho ông T 06 ha cây bắp và trái với giá là 12.500.000 đồng/ha. Tổng số tiền là 75.000.000 đồng, sau này đo nếu thiếu diện tích thì ông Đ hoàn trả lại tiền theo diện tích số tiền đã thỏa thuận. Ông T trả trước cho ông Đ số tiền 10.000.000 đồng tuy nhiên khi thu hoạch do cây bắp và bắp già nên Công ty không thu mua thì ông T và ông Đ thỏa thuận ông T vẫn mua bắp già cùng giá tiền trên, ông Đ có trách nhiệm trông nom và bảo quản bắp non cho đến khi được thu hoạch và ông T trả thêm cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, ông Đ đã bớt cho ông Trung 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 23.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ nhận của ông T là 50.000.000 đồng, hai bên đều thừa nhận đã giao và nhận số tiền 50.000.000 đồng, do vậy giữa ông T và ông Đ

đã phát sinh hợp đồng mua bán tài sản, hình thức hợp đồng bằng giấy viết tay, khi mua, bán hai bên xác định loại tài sản, phương thức giao nhận tài sản, giá bán, hình thức thanh toán, thể hiện sự thỏa thuận của các bên, các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng nên hợp đồng mua bán cây bắp và trái giữa ông T với ông Đ ngày 06/06/2023 là hợp pháp theo quy định tại Điều 430, 431, 432; 433, 434, 440 Bộ luật dân sự.

Đến ngày 12/10/2023 ông T thuê người thu hoạch bắp và đến trả cho ông Đ số tiền 23.000.000 đồng còn lại thì ông Đ với ông T xảy ra tranh chấp. Ông T cho rằng ông đã trả cho ông Đ số tiền còn lại 23.000.000 đồng và ông Đ đã tự viết vào hợp đồng là “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng”. Sau khi viết xong ông Đ lại không trả lại hợp đồng cho ông mà ông Đ nói ông còn một ha muốn bán tiếp cho ông nhưng ông nói không còn tiền nữa thì ông Đ nói nếu không mua thì không bán diện tích bắp non trước cho ông nữa rồi ông Đ lấy bút xóa đi dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng” mà ông Đ đã viết trước đó, thấy vậy ông liền giật lại hợp đồng. Ông Đ cho rằng khi ông T đến trả tiền cho ông tại nhà bà H thì ông T đưa hợp đồng và nói ông ghi “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng” nhưng ông T lấy ví ra nhưng không đưa tiền cho bà H là người làm công cho ông, bà H nói ông bị lừa rồi nên nói ông xóa dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng” rồi ông đưa lại hợp đồng cho ông T.

Xét yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử nhận thấy giấy hợp đồng mua bắp và trái phần thỏa thuận bán cây và trái và phần trả tiền 40.000.000 đồng đều có chữ ký xác nhận của ông Trương Quang Đ, Tại dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng” đã bị gạch xóa, không có chữ ký xác nhận của ông Đ. Những người làm chứng bà Trần Thị H tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2023 khẳng định bà không nhận số tiền 23.000.000 đồng từ ông T, ông T không đưa tiền cho ông Đ nên bà nói ông Đ xóa dòng chữ “Tôi đã nhận đủ số tiền của em T tổng cộng 73.000.000 đồng”(Bút lục 35, 36), tại biên bản xác minh ngày 16/11/2023 bà Phạm Thị Đ1 mẹ đẻ của ông T có nghe ông T nói về số tiền mua bắp của ông Đ là 73.000.000 đồng và chỉ biết ông T mới trả cho ông Đ 50.000.000 đồng nên khi gặp ông Đ bán bắp ở cơ sở Ngọc S 3 thì bà nói ông Đ trả lại 50.000.000 đồng nhận của T để bà trả tiền cho ông T1 vì bà mượn tiền của ông T1 cho ông T mượn (Bút lục 37, 38), tại biên bản xác minh ngày 13/11/2023 bà Phạm Thị Tuyết S là chủ cơ sở Ngọc S 3 ngày ông Đ chở bắp lên bán thì thấy bà Đ1 là mẹ ông T đến gặp ông Đ nói xin lại 50.000.000 đồng nhưng ông Đ nói để công an đang giải quyết (Bút lục 39), ông T và ông Đ thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng ông Đ đã nhận. Do đó có cơ sở chứng minh việc ông T đã trả cho ông Đ số tiền mua cây bắp và trái là 50.000.000 đồng. Không có chứng cứ chứng minh ông T đã trả cho ông Đ số tiền còn lại 23.000.000 đồng và trả đủ số tiền 73.000.000 đồng cho ông Đ nên ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nên ông Đ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự. Do ông T và ông Đ đã chấm dứt hợp đồng mua cây bắp và trái, ông Đ đã thu hoạch và trả tiền công cho người ông T

thuê thu hoạch bắp, ông T cũng không có yêu cầu gì về tiền công thu hoạch bắp. Trong hợp đồng mua cây bắp và trái ông T và ông Đ không thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận giải quyết tranh chấp. Do ông T đã trả cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Trương Quang Đ có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T tổng số tiền mua cây bắp và trái đã nhận là 50.000.000 đồng. Về lãi suất ông T không yêu cầu ông Đ phải trả lãi suất nên ông Đ không phải trả lãi suất. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu ông Trương Quang Đ phải trả cho ông T số tiền 23.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Quang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của nguyên đơn được chấp nhận. Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 428, 430, 431, 432; 433, 434, và Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Buộc ông Trương Quang Đ có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T tổng số tiền bán cây bắp và trái đã nhận là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Về lãi suất ông Phạm Văn T không yêu cầu ông Trương Quang Đ phải trả nên ông Đ không phải trả lãi suất.

Kể từ ngày ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Trương Quang Đ còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu ông Trương Quang Đ phải trả cho ông T số tiền 23.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Trương Quang Đ phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Phạm Văn T phải chịu 1.150.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 1.825.000 đồng (*Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) ông T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003495 ngày

12 tháng 12 năm 2023. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền 675.000 (*Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện E.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh